

Số: 31/2026/QĐST - HNGĐ

Lào Cai, ngày 11 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÀO CAI**

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 36/2026/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2026, về việc “*Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh: Hạng A N, sinh năm 20xx. Căn cước công dân số 010201000xxx.

Chị: Giàng Thị X, sinh năm 20xx. Căn cước công dân số 010300009xxx.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố H, phường S, tỉnh Lào Cai.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của anh Hạng A N: Bà Phạm Thị Th, sinh năm 19xx - Là trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh L.

Địa chỉ: Trụ sở khối 7, phường C, tỉnh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hạng A N và chị Giàng Thị X tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 3 năm 20xx, tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã S, tỉnh Lào Cai nay là phường S, tỉnh Lào Cai là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng cãi nhau, mặc dù gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Thời gian từ đầu năm 2026, anh chị không sống chung, không ai quan tâm trách nhiệm đến ai. Đến nay anh chị đều nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, nên có căn cứ công nhận sự thỏa thuận là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Anh Hạng A N và chị Giàng Thị X, xác định có 02 con chung là cháu Hạng Thị X, sinh ngày 24 tháng 7 năm 20xx và cháu Hạng A Ph, sinh ngày 14 tháng 9 năm 20xx. Đề nghị công nhận thỏa thuận giao cháu Hạng Thị Xua và cháu Hạng A Phai cho anh Hạng A N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét thấy anh Hạng A N có thu nhập ổn định có điều kiện khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và anh chị tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con chung là phù hợp quy định pháp luật nên cần công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh, chị thống nhất thỏa thuận chị Giàng Thị X hàng tháng cấp dưỡng nuôi cả hai con chung, cháu Hạng Thị X và cháu Hạng A Ph mỗi cháu số tiền là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng)/tháng đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét thấy chị Giàng Thị X có thu nhập ổn định có khả năng nuôi bản thân và cấp dưỡng cho cả hai con và sự thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện phù hợp quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Hạng A N và chị Giàng Thị X thỏa thuận mỗi người chịu số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa người yêu cầu:

Anh: Hạng A N, sinh năm 20xx.

Chị: Giàng Thị X, sinh năm 20xx.

Quan hệ hôn nhân của anh Hạng A N và chị Giàng Thị X chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao cháu Hạng Thị X, sinh ngày 24 tháng 7 năm 20xx và cháu Hạng A Ph, sinh ngày 14 tháng 9 năm 20xx cho anh Hạng A N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Giàng Thị X phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho cả hai cháu, mỗi cháu số tiền là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng)/tháng đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, anh Hạng A N có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng chị Giàng Thị X phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Hạng A N và chị Giàng Thị X thỏa thuận anh Hạng A N và chị Giàng Thị X, mỗi người phải chịu số tiền là 150.000 đồng (Một trăm năm nghìn đồng) lệ phí việc dân sự ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí do anh Hạng A N và chị Giàng Thị X đã nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0002027 ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Xác nhận các đương sự đã nộp đủ lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, Khu vực 7-Lào Cai;
- UBND phường S, tỉnh Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Lưu Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thái Hà